

Phú Quốc, ngày 18 tháng 9 năm 2019

Số: 234/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 2802019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh **Đoàn Thanh M**, sinh năm 1982

Con chung: 1. Cháu **Đoàn Thị Thủy T1**, sinh ngày 01/5/2009

2. Cháu **Đoàn Thị Thùy T2**, sinh ngày 10/9/2011

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trịnh Thị Ngọc H** và anh **Đoàn Thanh M**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị **H** và anh **M** thống nhất thoả thuận giao hai con chung tên **Đoàn Thị Thủy T1**, sinh ngày 01/5/2009 và **Đoàn Thị Thùy T2**, sinh ngày 10/9/2011 cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18

tuổi). Anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày quyết định có hiệu lực là ngày 18/9/2019. Phương thức cấp dưỡng là liên tục vào ngày 18 hàng tháng (tính theo dương lịch).

Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh M xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Thuận tình ly hôn chị H và anh M mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí không giá ngạch. Anh M phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Chị H tự nguyện nộp thay anh M. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0006611 ngày 14/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh K. Chị H được nhận lại 300.000 đồng. Anh M không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS nhân dân huyện P;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Hồng